

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2022

V/v: Ly hôn giữa

chị A và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực

2. Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Lan A, sinh năm 1999; có mặt.

ĐKKHKT: Thôn D, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Anh T, sinh năm 1994; có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-10-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Lan A trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Anh T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 25-01-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tình tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa chị nghi ngờ anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra đánh, cãi nhau và lạnh nhạt tình cảm. Mâu

thuần căng thẳng, chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn B, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình từ tháng 10 năm 2021, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lê Anh Đ, sinh ngày 26-6-2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai vào các ngày 06-01-2022, 18-02-2022, 29-3-2022 và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 29-3-2022, anh Lê Anh T trình bày: Anh và chị Lê Thị Lan A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 25-01-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A hiểu nhầm anh có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau và lạnh nhạt tình cảm. Mâu thuẫn căng thẳng, chị A đã đưa con về bố mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2021, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tại bản tự khai vào các ngày 06-01 và 18-02-2022, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Tại bản tự khai ngày 29-3-2022, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về nuôi con chung: Anh và chị A có 01 con chung là Lê Anh Đ, sinh ngày 26-6-2018. Khi ly hôn, anh nhường cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị A không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh đồng ý.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận và tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên anh không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các lần triệu tập và phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Lê Thị Lan A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Anh T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Anh T đang cư trú tại Thôn D, xã Đ, huyện Hưng

Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh T có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Lan A và anh Lê Anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 25-01-2018 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tình tình không hợp, bất đồng nhau về quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng chị A và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Chị A và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị A và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị A được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị A và anh T có 01 con chung là Lê Anh Đ, sinh ngày 26-6-2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị A và anh T đều thống nhất để chị A tiếp tục nuôi con chung, anh T không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của chị A và anh T phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận giao cho chị A trực tiếp nuôi con chung, anh T không phải vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A.

[5] Về chia tài sản: Chị A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Lan A và anh Lê Anh T.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị Lan A trực tiếp nuôi con Lê Anh Đ, sinh ngày 26-6-2018. Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về chia tài sản: Chị A, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lê Thị Lan A phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003532 ngày 06-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị A đã nộp đủ tiền án phí).
5. Quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên